

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 02 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Len và bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14A/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nhâm Thị Phương T, sinh ngày 27/5/1997, quốc tịch Việt Nam.

Nơi cư trú: Số nhà E, ngách F, ngõ A, đường L, tổ G, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: BaldeniusstraBe B, 30419 H, G (Cộng hòa liên bang Đ1)

Người đại diện theo uỷ quyền nộp các văn bản tố tụng: Ông Nhâm Văn T1, sinh năm 1958. Căn cước công dân số: 034058009100 do Cục Cảnh sát cấp ngày 13/4/2021. Địa chỉ: Số nhà E, tổ G, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T2, sinh ngày 10/8/1978, quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ: Lange Brucke 2-4, Einbeck 37574, G (Cộng hòa liên bang Đ1)

Người đại diện theo uỷ quyền nộp các văn bản tố tụng: Ông Nhâm Văn T1, sinh năm 1958. Căn cước công dân số: 034058009100 do Cục Cảnh sát cấp

ngày 13/4/2021. Địa chỉ: Số nhà E, tổ G, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị T vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh T2, ông T1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nhâm Thị Phương T trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T2 kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 14/3/2019, số đăng ký 05/2019. Sau khi chung sống một thời gian anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hoà hợp về tình cảm và đời sống hôn nhân, mỗi người một nơi. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Nay chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn T2.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn T2 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh Trần Văn T2 không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn T2 trình bày: Anh và chị Nhâm Thị Phương T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 14/3/2019. Sau khi kết hôn, anh trở lại Cộng hoà Liên Bang Đ để sinh sống và làm việc. Do đại dịch C nên đến tháng 4/2022 chị T mới được nhập cư vào Cộng hòa Liên Bang Đ. Cuộc sống hôn nhân sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hoà hợp về tình cảm, chị T ra ở riêng ly thân với anh nên mỗi người ở một nơi. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết cho anh ly hôn với chị Nhâm Thị Phương T theo pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Nhâm Thị Phương T không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh và chị Nhâm Thị Phương T không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt nguyên đơn là đúng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nhâm Thị Phương T ly hôn với anh Trần

Văn T2, không đặt ra giải quyết về con chung và chia tài sản chung vợ chồng. Chị Nhâm Thị Phương T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nhâm Thị Phương T và bị đơn là anh Trần Văn T2 đều có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa chị T vắng mặt, anh T2 có mặt do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Nhâm Thị Phương T và anh Trần Văn T2 kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 14/3/2019, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hoà hợp về tình cảm, hai bên đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay chị T và anh T2 không cùng chung sống mà mỗi người ở một nơi. Do xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị Nhâm Thị Phương T xin ly hôn, anh Trần Văn T2 cũng đồng ý. Xét hôn nhân của chị Nhâm Thị Phương T3 và anh Trần Văn T2 khó có thể hàn gắn, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nhâm Thị Phương T, xử cho chị Nhâm Thị Phương T ly hôn với anh Trần Văn T2.

[3.2] Về con chung: Chị Nhâm Thị Phương T và anh Trần Văn T2 không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Nhâm Thị Phương T và anh Trần Văn T2 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Chị Nhâm Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Nhâm Thị Phương T được ly hôn với anh Trần Văn T2.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nhâm Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000413 ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nhâm Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hay niêm yết, anh Trần Văn T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND thành phố Thái Bình (Số ĐK: 05/2019 ngày 14/3/2019);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã //
- Cục THA tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

